

Bản án số: 294/2021/HS-PT
Ngày: 17-5-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh T

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh- Thư ký Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện viện kiểm sát Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 50/2021/TLPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo Phạm Thanh Tâm và các bị cáo khác.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối, kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2020/HS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Tấn C (tên gọi khác: C cụt); sinh ngày 18/8/1973, tại Thành phố Hải Phòng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; con ông Phạm Ngọc R (chết) và bà Hoàng Thị Thu H; có vợ và 02 con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005); tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2000, bị Tòa án Nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” (đã xóa án tích).

Bị bắt tạm giam ngày 05/02/2020; có mặt.

2. Nguyễn Minh D (tên gọi khác: Không); sinh ngày 22/8/2002, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Minh Đũa và bà Lê Thị Thu H; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 08/02/2020; (Bị cáo rút kháng cáo nên không triệu tập).

3. Nguyễn Văn V (tên gọi khác: Không); sinh ngày 12/4/1988, tại tỉnh Thanh Hóa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị P; có vợ và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 03/6/2020; có mặt.

4. Nguyễn Kim N (tên gọi khác: Không); sinh ngày 30/11/1989, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ở Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị X; có chồng và 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 28/02/2020 được tại ngoại; có mặt.

- Bị cáo bị kháng nghị:

5. Nguyễn Phước L (tên gọi khác: Chó ba); sinh ngày 23/3/1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/12/2013, bị Tòa án Nhân dân huyện Củ Chi xử phạt 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” (đã xóa án tích).

Bị bắt tạm giam ngày 04/02/2020; có mặt.

6. Nguyễn Dũng S (tên gọi khác: Không); sinh ngày 25/5/2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị D; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/02/2020; có mặt.

7. Trần Đình Phước T (tên gọi khác: Không); sinh ngày 01/02/1995, tại tỉnh Hậu Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Hậu Giang; tạm trú: Nhà số xã Trung An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; con ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị V N; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 05/02/2020; có mặt.

8. Nguyễn Trung K (tên gọi khác: Không); sinh ngày 30/12/1996, tại tỉnh Long An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Thợ sửa xe; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Võ Thị P; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 08/02/2020; có mặt.

9. Nguyễn Chánh P (tên gọi khác: Út P); sinh ngày 19/3/1995, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 2A, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị G; có vợ và 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 08/02/2020; có mặt.

Người bào chữa:

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dũng S:* Luật sư Phan Minh S, Công ty Luật TNHH MTV Nguyên Khôi, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt

- *Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Kim N:* Luật sư Trương Minh T, Công ty Luật TNHH MTV Đại Việt Luật, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 10 bị cáo khác và 31 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Quốc T và Phạm Tấn C, Phạm Thanh Tâm, Đặng Anh T, Lê Văn Tâm, Trần Anh Thi, Trần Quốc Đạt, Nguyễn Phước L, Nguyễn Trung K, Trần Đình Phước T, Nguyễn Dũng S, Nguyễn Minh D quen biết nhau ngoài xã hội. Riêng Lê Quốc Minh, Nguyễn Kim N, Nguyễn Duy Thanh là quan hệ bà con họ hàng của Lê Quốc T.

Khoảng 13 giờ ngày 29/01/2020, Lê Quốc T (thường gọi là T khi) tham gia đánh bạc cùng với Vương Ngọc Hưng, Lê Thành Trung, Lê Tấn Long, Huỳnh Ngọc Minh Tùng, Trần Văn Thạnh, Nguyễn Nhật Quang và nhiều người khác tại vườn nhãn cạnh nhà số 28B Đường 121, ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi tham gia đánh bạc, Lê Quốc T thua hết tiền nên điện thoại cho Lê Quốc Minh (em họ của T) qua nhà bà Nguyễn Thị Kẽm (mẹ T) lấy 100.000.000 đồng mang đến sới bạc cho T. Lúc này, T xảy ra mâu thuẫn với anh Hưng và anh Tùng nên bỏ ra về. T điều khiển xe mô tô chạy về nhà tại số 44, Đường 131, ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi lấy 01 khẩu súng AK báng xếp giấu trong người và một túi đạn quay lại sới bạc, dùng súng AK báng xếp bắn vào những người đang tham gia đánh bạc làm Vương Ngọc Hưng, Lê Tấn Long, Lê Thành Trung, Huỳnh Ngọc Minh Tùng chết, Trần Văn Thạnh và Nguyễn Nhật Quang bị thương. Sau đó, T cướp 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59L2-615.46 của Lê Tấn Long và 802.032.000 đồng của Huỳnh Ngọc Minh Tùng tại sới bạc rồi cầm súng và điều khiển xe Honda SH rời khỏi hiện trường. T chạy đến nhà Phạm Thanh Tâm (thường gọi là Tý bà Dòm) đưa túi xách bên trong có 802.032.000 đồng và nhờ Thanh Tâm đưa cho Trương Thị Kim Thoa (vợ T) rồi chạy xe Honda SH đến trước số 4 đường Dương Thị Phua, tổ 8, ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi, dùng súng đe dọa, khống chế anh Trần Ngọc Biển và chị Võ Thị Bích Vân cướp xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 59Y2-301.98, bỏ lại 11.000.000 đồng và xe mô tô hiệu Honda SH biển số 59L2-615.46. Sau đó, tiếp tục điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo đến khu vực xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi, đẩy xe Nouvo xuống rạch Láng The, ấp Cây Trâm, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi rồi lẩn trốn.

Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 30/01/2020, anh Lê Văn H điều khiển xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze chở anh Lê Thanh Tùng đi trên đường tỉnh lộ 15, hướng từ xã Phú Hòa Đông đi ngã tư Tân Quy. Khi vừa qua cầu Bến Nảy, phát hiện chướng ngại vật nên giảm tốc độ. Lê Quốc T cầm khẩu súng AK báng xếp từ bụi cây ven đường chặn xe, bắn thẳng vào xe ô tô nhưng anh H điều khiển xe ô tô lao thẳng về phía trước, T né sang bên trái đường tiếp tục nổ súng vào xe ô tô làm vỡ

kính xe, anh H và anh Tùng bị mảnh kính vỡ văng trúng vào người bị thương nhẹ. Sau đó, anh H chở anh Tùng đến Bệnh viện đa khoa Xuyên Á điều trị.

Đến 00 giờ 15 phút cùng ngày, tại khu vực gần cầu Bến Nảy, T tiếp tục sử dụng súng AK báng xếp bắn chết anh Vũ Chí Tâm, cướp 01 xe Wave biển số 59X2-595.12 rồi tẩu thoát về kênh Đường Đò, đẩy xe Wave xuống kênh, bơi sang nhà của Võ Hồng Tâm, địa chỉ: Số 32/7 tỉnh lộ 15, ấp Tân Hòa, xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn lần trốn. T gặp Võ Hồng Tâm và Nguyễn Duy Thanh (em họ hàng T) cùng nhau bàn bạc tìm cách che giấu tung tích của T (trước đó Tâm và Thanh đã biết tin Quốc T dùng súng bắn chết người), Thanh đưa 01 sim điện thoại và Tâm đưa 01 điện thoại di động cho T để sử dụng. Đến sáng ngày 01/02/2020, Võ Hồng Tâm giao nhà cho Tuấn rồi điều khiển xe đến Thiền viện Phước Sơn ở thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ở, Thanh về nhà cô ruột ở ấp 3, xã Hòa Phú, huyện Củ Chi. Trên đường đi, Thanh ghé cửa hàng điện thoại di động mua một sim điện thoại gọi cho Lý Văn Mè, báo cho Mè biết đã gặp Lê Quốc T và nhờ Mè giúp, Mè đồng ý và tắt máy. Sau đó, Thanh liên lạc với Nguyễn Kim N (chị ruột Thanh), kể cho N nghe đã gặp T tại nhà của Võ Hồng Tâm và bàn với N tìm cách để giúp T bỏ trốn.

Ngày 10/02/2020, N mua 02 sim điện thoại đến gặp Lý Văn Mè, N kể cho Mè biết T đang trốn tại nhà của Võ Hồng Tâm và bàn với Mè tìm cách giúp T. Sau đó, N đưa 01 sim và số điện thoại T đang sử dụng để Mè liên lạc, sim còn lại N giữ để lại liên lạc với T. Sau khi gặp N, Lý Văn Mè điện thoại cho T và nạp tiền vào 02 thẻ Viettel cho T. Nguyễn Văn Thanh thường xuyên liên lạc với T, tìm cách đưa T đi trốn. T yêu cầu Thanh dùng xe mô tô chở nhưng do Công an đang truy tìm ráo riết nên Thanh không dám đi, nhờ Đặng Trung Ngọc lái xe taxi chở đi trốn. Trước đó, ngày 09/02/2020, Thanh liên lạc với Ngọc nhờ chở T đi Vũng Tàu trốn nhưng khi đến Ủy ban Nhân dân xã Hòa Phú, huyện Củ Chi thì xe bị hỏng nên không đi được. Khoảng 01 giờ ngày 10/02/2020, Thanh điện thoại liên lạc với Ngọc yêu cầu lấy xe đi ngay, Ngọc đồng ý và báo giá cước là 02 triệu đồng, với điều kiện là Thanh phải đi cùng đồng thời T phải tháo rời các bộ phận của khẩu súng AK bỏ vào ba lô quần bằng keo lại, Ngọc mới chở đi Vũng Tàu (để phòng T có súng để gây án tiếp). Sau đó, Thanh điện thoại cho Ngọc biết là không liên lạc được với Tuấn. Đến khoảng 05 giờ ngày 10/02/2020, Thanh gọi cho Ngọc cho biết sẽ đi vào ngày 11/02/2020 hoặc 12/02/2020, Ngọc báo giá cước là 06 triệu đồng, Thanh đồng ý. Thanh cho Ngọc biết do chưa liên lạc được với T nên không rõ sẽ đi Vũng Tàu khi nào, thấy không chắc chắn nên Ngọc không nhận chở Quốc Tuấn. Đến tối ngày 13 rạng sáng ngày 14/02/2020, T dùng súng AK báng xếp chống trả lại lực lượng công an truy bắt nên bị tiêu diệt tại nhà của Võ Hồng Tâm.

Đối với 802.032.000 đồng Lê Quốc T cướp sợi bạc đưa cho Phạm Thanh Tâm, Tâm chuyển lại số tiền trên cho Lê Văn Tâm cất giữ. Sau đó, Lê Văn Tâm hẹn gặp Lê Quốc Minh và cùng nhau đưa số tiền trên cho Trần Anh Thi cất giữ. Cùng ngày, Phạm Thanh Tâm, Đặng Anh T đến nhà của Phạm Tấn C bàn bạc với nhau để cất giấu số tiền T cướp được gửi lại. Sau đó, Phạm Tấn C dùng xe ô tô bán tải chở Đặng Anh Tuấn, Phạm Thanh Tâm và Trần Anh Thi đi Tây Ninh, Tiền Giang để né tránh Cơ quan Công an nhằm mục đích che giấu số tiền Tuấn cướp được. Nhưng do bị Công an phát hiện nên ngày 31/01/2020, Thi đến Công an xã Nhuận Đức, huyện Củ Chi, giao nộp 802.032.000 đồng.

Về nguồn gốc các khẩu súng AK báng xếp, K54 và K59, Phạm Thanh Tâm khai nhận: Khoảng giữa năm 2018, Phạm Thanh Tâm đi sang Campuchia đánh bài và có mua 01 khẩu súng K59 cùng nhiều viên đạn (không nhớ chính xác số lượng) của 01 người Campuchia (không rõ lai lịch) với giá 8.500.000 đồng sau đó mang về Việt Nam đưa cho Trần Quốc Đạt cất giữ. Sau Tết nguyên đán năm 2019, Phạm Thanh Tâm tiếp tục sang Campuchia chơi đánh bài và có mua 01 khẩu súng AK báng xếp, 01 túi đạn khoảng 100 viên đạn (gồm đạn sử dụng cho súng AK và súng K54) với giá 20.000.000 đồng và 01 khẩu súng K54 cùng 07 viên đạn với giá 7.000.000 đồng của 01 người Campuchia (không rõ lai lịch) mang về Việt Nam cất giữ. Khoảng tháng 3/2019, Thanh Tâm đưa T cất giữ 01 khẩu AK báng xếp và 01 túi đạn khoảng 100 viên đạn. Đến khoảng tháng 4/2019, Thanh Tâm nhặt được 02 quả lựu đạn trên địa phận Campuchia mang về Việt Nam, Thanh Tâm đưa khẩu súng K54 cùng 07 viên đạn và 02 quả lựu đạn (đã tháo rời 02 bộ phận kíp nổ và quả nổ) cho Nguyễn Chánh P cất giữ. Đến khoảng tháng 8/2019, P điện thoại cho Thanh Tâm để trả lại khẩu súng K54 cùng 07 viên đạn và 02 quả lựu đạn, Tâm kêu P đưa lại khẩu súng K54 cùng 07 viên đạn và 01 quả lựu đạn cho Trần Quốc Đạt cất giữ (do trước đó P bị ông Nguyễn Văn Khở (cha ruột P) phát hiện P cất giữ quả nổ nên P giả vờ đưa cho ông Khở 01 kíp nổ và 01 quả nổ của quả lựu đạn, ông Khở ném bỏ kíp nổ tại rãnh nước sau nhà, còn quả nổ ném bỏ ra ruộng. Sau đó, Thanh Tâm nhận lại 01 khẩu súng K54 cùng 07 viên đạn từ Đạt. Ngày 16/01/2020, Thanh Tâm đưa khẩu súng K54 và 07 viên đạn cho Nguyễn Phước L cất giữ. Do lo sợ bị Công an khám xét nhà sẽ phát hiện khẩu súng đang cất giữ nên ngày 31/01/2020, L gọi điện thoại cho Nguyễn Dũng S, Trần Đình Phước T qua nhà L lấy khẩu súng ngắn K54 cùng 07 viên đạn đem cất giấu dùm. Sau khi nhận súng, S và T đưa lại khẩu súng K54 cùng 07 viên đạn cho Nguyễn Minh D đem về nhà cất giấu. Sau đó, Nguyễn Minh D và Nguyễn Trung K đem khẩu súng K54 cùng 7 viên đạn vứt tại “ao nước lớn” thuộc ấp 3, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi thì bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ.

Ngày 03/02/2020, Đạt biết tin Thanh Tâm bị Cơ quan Công an bắt, lo sợ liên quan đến việc cất giữ khẩu súng và lựu đạn nên Đạt mang theo 01 túi xách chứa 01 khẩu súng K59 cùng 12 viên đạn bỏ trốn đến nhà trọ của mẹ ruột là Nguyễn Thị Sen (địa chỉ: nhà không số đường Hai Bà Trưng, phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương). Trong thời gian lần trốn quyết định truy nã của Cơ quan Công an, Đạt nhờ một người bạn quen biết tên là Hên (không rõ lai lịch) để tìm người bán khẩu súng K59 cùng 12 viên đạn. Sau đó, Hên giới thiệu cho Đạt với Nguyễn Văn V. Khoảng tháng 4/2020, Đạt hẹn V gặp nhau tại đường dẫn cao tốc Trung Lương, tỉnh Tiền Giang và đồng ý bán cho V 01 khẩu súng K59 và 12 viên đạn với số tiền là 26.000.000 đồng. Trên đường về, Đạt ném 01 quả lựu đạn còn lại không có kíp nổ xuống sông Bến Lức, thuộc thành phố Tân An, tỉnh Long An (không nhớ vị trí). Sau khi mua 01 khẩu súng K59 và 12 viên đạn, V mang theo trong người để phòng thân và mang về nhà trọ tại số 32/4, đường Đào Trí, phường Tân Thuận, Quận 7 cất giấu. Đến khoảng tháng 6/2020, V biết khẩu súng K59 và 12 viên đạn liên quan trong vụ Lê Quốc T nên ngày 03/6/2020, V liên lạc với Đạt qua điện thoại và đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tự thú và giao nộp vũ khí và Đạt cũng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra đầu thú.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 285-20/KLGD-PY ngày 10/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết của Vương Ngọc Hưng như sau:

+ Vết thương thủng mất da tại vùng xương chũm phải, bờ mép nhám nhở, kích thước 2,5 x 1,3 cm, xuyên vào trong gây vỡ lún xương chũm - thái dương - đỉnh phải nhiều mảnh, bị đẩy vào trong, rách màng cứng vùng chũm thái dương đỉnh - trán phải. Xuất huyết dưới nhện lan tỏa bán cầu đại não phải. Dập não và xuất huyết trong nhu mô bán cầu đại não phải chủ yếu ở mặt ngoài và dưới; làm vỡ xương nền sọ trước, giữa, sau bên phải lan đến xương chũm phải, xương đỉnh 2 bên và nền sọ trước bên trái và xương trán đỉnh trái. Vỡ xương hàm mặt bên phải. Ra da tại vùng mắt-gò má phải. Vết thương có chiều hướng từ sau ra trước, hơi chệch từ phải sang trái, trên đường đi có làm tổn thương da vùng trước và sau vành tai phải.

+ Vết thương thủng mất da tại vùng trước 1/3 giữa đùi phải, dạng hình tròn, bờ mép nhám nhở, đường kính 0,6cm, bờ dưới có sây sát da dạng bán nguyệt, tổ chức da và dưới da hướng vào trong; xuyên vào trong và lên trên làm thủng rách cơ đùi phải, thành sau phúc mạc vùng thắt lưng phải làm vỡ xương chậu bên phải, vỡ xương đốt sống L5, S1, vỡ 1 phần chỏm xương đùi phải và ra da tại thắt lưng phải ngang liên sườn 4,5 cách cột sống 7cm. Vết thương có chiều hướng từ dưới lên trên, từ trước ra sau.

+ Vết thương thủng mắt da mu tay trái ở khe đốt bàn 2,3 bờ mép nham nhở, kích thước 1 x 0,7cm, tổ chức da và dưới da hướng vào trong; xuyên qua gan tay trái, chiều hướng từ sau ra trước, từ trái sang phải, từ trên xuống dưới. Gãy vỡ xương đốt bàn 2,3 tay trái.

+ Máu của nạn nhân Vương Ngọc Hưng thuộc nhóm máu B.

+ Nạn nhân Vương Ngọc Hưng chết do đa vết thương do hỏa khí gây ra tổn thương sọ não - hàm mắt, vỡ xương chậu bên phải, vỡ đốt sống L5, S1.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 287-20/KLGD-PY ngày 28/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết của Lê Thành Trung như sau:

+ Vết thương thủng mắt da tại vùng khớp ức đòn trái, bờ mép nham nhở xung quanh có sây sát da, kích thước 1,2 x 0,6cm (lỗ thủng mắt da đường kính 0,6cm) làm thủng khớp ức đòn trái, kích thước 1 x 0,9cm, thủng vỡ khí quản tại ngã 3 khí quản, xuyên thủng thùy trên phổi phải từ mặt trong ra mặt sau, làm vỡ đốt sống ngực 3, 4 và gãy cung sau xương sườn 3, 4 sát cột sống và ra da tại lưng phải ngang đốt sống ngực 4. Vết thương có chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới, từ trái sang phải.

+ Vết thủng mắt da tại khoang liên sườn 4 trên đường giữa đòn phải, bờ mép nham nhở, xung quanh có sây sát da, kích thước 1cm x 0,5cm (lỗ thủng mắt da, kích thước 0,7 x 0,5cm) làm thủng cơ liên sườn 4 bên phải, thủng bao màng ngoài tim bên phải dạng hình tròn, đường kính 0,8cm, vỡ nham nhở mỏm tim ở mặt sau, rách toác bao màng ngoài tim bên trái, xuyên thủng thùy dưới phổi trái, từ mặt trong ra mặt bên, vỡ cơ hoành trái, vỡ gan thùy trái nham nhở, vỡ dạ dày, gãy nhiều đoạn xương sườn 5, 6 và 7 bên trái và ra da tại thành bên ngực trái đường nách giữa ngang liên sườn 6. Vết thương có chiều hướng từ phải sang trái, từ trên xuống dưới, từ trước ra sau.

+ Máu của Lê Thành Trung thuộc nhóm máu O.

+ Nạn nhân Lê Thành Trung chết do vết thương vỡ khí quản, thủng thùy trên phổi phải, vỡ đốt sống ngực 3, 4, gãy xương sườn 3, 4 bên phải và vết thương thủng thùy giữa phổi trái, vỡ tim, vỡ gan trái, thủng dạ dày, cơ hoành trái do hỏa khí.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 289 - 20/KLGD-PY ngày 10/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết của Lê Tấn Long như sau:

+ Vết thủng mắt da vùng lưng phải cách ngang đốt sống ngực bốn 2cm có bờ mép nham nhở, xung quanh có sây sát da, đường kính 0,9cm (thủng mắt da

đường kính 0,4cm) làm vỡ đốt sống ngực 1, 2 và cung sau xương sườn 1, 2 bên phải sát cột sống, thủng màng phổi thành bên phải vùng đỉnh, rách tĩnh mạch cảnh chung phải ngang đốt sống cổ 4 gây tụ máu nặng trong mô liên kết và cơ cổ trái và tận cùng ra da ở cổ phải. Vết thương có chiều hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên và từ trái sang phải.

+ Vết thủng mất da vùng lưng trái cách ngang đốt sống ngực mười 7cm có bờ mép nham nhở, xung quanh có sây sát da, đường kính 0,8cm (lỗ thủng mất da đường kính 0,4cm) làm thủng cơ liên sườn 8 bên trái cạnh cột sống, xuyên thủng rách thùy dưới phổi trái từ sau vào mặt trong, làm rách đứt rời động mạch chủ ngực ngang đốt sống ngực 8, 9 thủng rách mặt sau bao màng ngoài tim, thủng rách nát đáy tim, cuống tim (chủ yếu ở bên phải phía sau), xuyên thủng rách thùy giữa và trên phổi phải, vỡ cơ hoành bên phải, vỡ gan thùy phải ở mặt hoành (có rạn vỡ gan), gãy đứt xương sườn, sụn sườn 5 đến 8 bên phải ở cung trước nhiều đoạn và tận cùng ra da ở ngực phải ngang liên sườn 5. Vết thương có chiều hướng từ sau ra trước, từ dưới lên trên và từ trái sang phải.

+ Máu của Lê Tấn Long thuộc nhóm máu B.

+ Nạn nhân Lê Tấn Long chết do vết thương hai phổi, động mạch chủ ngực, tim, gan phải và vết thương đốt sống ngực 1, 2; tĩnh mạch cảnh trái do hỏa khí.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 291-20/KLGD-PY ngày 10/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết của Huỳnh Ngọc Minh Tùng như sau:

+ Vết thương thủng mất da vùng đỉnh phía sau hơi lệch phải bờ mép nham nhở, kích thước 1,4 x 05cm gây máu dưới da và trong cơ vùng trán - đỉnh - thái dương - chẩm phải, vùng trán - thái dương - đỉnh trái. Vỡ khuyết xương đỉnh phải phía sau dạng tròn đường kính 1,9cm bờ mép nham nhở gây vỡ xương đỉnh, thái dương và chẩm bên phải dạng hình nan hoa (tập trung phía bên phải), thủng rách màng cứng vùng đỉnh phải dạng tròn đường kính 1,6cm dưới vết vỡ khuyết xương. Xuyên thủng não từ vùng đỉnh sau phải ra vùng trán - thái dương phải gây dập và xuất huyết mô não quanh rãnh thương. Xuất huyết quanh thân não ít máu đông. Xuất huyết trong não thất bốn khoảng 9 gam máu đông. Rách màng cứng và vỡ xương phức tạp nhiều mảnh vùng đỉnh - thái dương - trán phải, vỡ xương nền sọ trước và giữa hai bên lan đến xương trán phía bên trái và xương đỉnh trái. Vết thương có chiều hướng từ sau ra trước hơi chệch từ trái sang phải và tận cùng ra da tại vùng thái dương phải trên đỉnh vành tai phải 3,5cm, trán và đuôi mắt, đuôi cung mày gò má phải. Vết thương có chiều hướng từ sau ra trước hơi chệch từ trái sang phải.

+ Máu của Huỳnh Ngọc Minh Tùng thuộc nhóm máu O.

+ Nạn nhân Huỳnh Ngọc Minh Tùng chết do vết thương sọ não do hỏa khí.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 293-20/KLGĐ-PY ngày 10/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân chết của Vũ Chí Tâm như sau:

+ Vết thương thủng mất da ở mặt sau đoạn 1/3 trên cánh tay trái, ra gần nếp lằn nách sau tạo vết thủng mất da, xung quanh có xây sát da, kích thước 0,8x0,7cm xuyên thủng từ trái sang phải vào hõm nách trái làm thủng cơ ngực trái và ra tại ngực trái ngang liên sườn 3 trên đường giữa đòn. Vết thương có chiều hướng từ trái sang phải, từ sau ra trước và hơi chệch từ dưới lên.

+ Vết thương thủng mất da ở mặt sau đoạn 1/3 trên cánh tay trái xung quanh có xây sát da kích thước 0,7 x 0,6cm xuyên thủng từ trái sang phải vào ngực trái ngang liên sườn năm (kích thước 1 x 0,6cm) ra da ở ngực phải ngang liên sườn bốn. Vết thương có chiều hướng từ trái sang phải, chệch từ sau ra trước và từ dưới lên trên.

+ Vết thương đứt rách da và cơ nông mặt trước đoạn 1/3 giữa cánh tay phải. Vết thương có chiều hướng từ trái sang phải, từ sau ra trước và hơi chệch từ dưới lên trên. Xung quanh vết thương thủng mất da ở mặt sau đoạn 1/3 giữa cánh tay trái có nhiều tổn thương xây sát da và bong da chấm, bám dính nhiều chất dơ màu đen tạo thành đám, kích thước 11 x 6cm.

+ Vết thương thủng mất da ở lưng trái cách ngang đốt sống ngực tám 12 cm, làm thủng cơ liên sườn 8 bên trái gần cột sống, xuyên thủng thùy dưới phổi trái ở mặt sau, thủng đốt sống ngực 7, 8 từ trái sang phải, từ dưới lên trên, xuyên thủng phổi thùy dưới phổi phải từ mặt sau lên mặt trên và thùy giữa từ mặt dưới ra mặt ngoài, gãy xương sườn 4, 5 bên phải ở cung giữa lên hõm nách phải làm vỡ khớp vai phải, vỡ chỏm xương cánh tay phải ở mặt sau và ra da ở mặt ngoài đoạn 1/3 trên cánh tay phải. Vết thương có chiều hướng từ trái sang phải, từ dưới lên trên và hơi chệch từ sau ra trước.

+ Vết thương thủng mất da ở hông trái trên mào chậu trái 6,5cm trên đường nách giữa xung quanh có xây sát da, bờ mép nhám nhờ đường kính 0,8cm làm thủng thành cơ bụng trái, thủng rách nhiều đoạn ruột non, rách vỡ đại tràng ngang và ra da bụng phải. Vết thương có chiều hướng từ trái sang phải, hơi chệch từ sau ra trước, từ dưới lên trên.

+ Vết thương thủng mất da ở mặt ngoài 1/3 trên đùi trái, ra trước giữa đùi trái. Vết thương có chiều hướng từ trên xuống dưới, sau ra trước, trái sang phải.

+ Vết thương thủng mắt da ở mặt sau đoạn 1/3 giữa đùi trái hơi lệch ngoài, ra mặt trong đoạn giữa đùi trái. Vết thương có chiều hướng từ trên xuống dưới, sau ra trước, trái sang phải.

+ Vết thương thủng mắt da mặt trước đoạn 1/3 trên cẳng tay phải, ra sau cẳng tay phải (ở đoạn 1/3 giữa cẳng tay phải). Vết thương có chiều hướng từ trước từ trước ra sau, từ trên xuống dưới.

+ Máu của Vũ Chí Tâm thuộc nhóm máu O.

+ Nạn nhân Vũ Chí Tâm chết do đa vết thương tim, phổi, ruột và mô mềm, động-tĩnh mạch đùi phải, vỡ đốt sống ngực 7, 8 do hỏa khí.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 161/TT.20 ngày 10/3/2020 của Trung tâm P y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận nguyên nhân tử vong của Lê Quốc T như sau:

+ 01 vết thương hỏa khí tại vùng hàm dưới mặt trái: Lỗ đạn vào tại hàm dưới mặt trái, các lỗ mảnh đạn ra tại vùng sau đầu, gây: Vỡ xương hàm dưới trái, thủng nền sọ, vỡ sọ chẩm phức tạp, đứt lìa hành não và tủy sống, dập rách mô não tại vùng chẩm và còn 01 mảnh kim loại màu vàng dưới da đầu vùng chẩm.

+ 01 vết thương hỏa khí tại vùng lưng trái: Lỗ đạn vào tại lưng, lỗ ra tại ngực trái, gây: Thủng cơ liên sườn 11 mặt sau ngực trái và cơ liên sườn 5 ở mặt trước ngực trái, gãy cung sau xương sườn 11 ngực trái, xuyên thủng đáy phổi trái, rách cơ tim thất trái gần mỏm.

+ Lê Quốc T chết do vết thương sọ não hở và vết thương ngực trái gây thủng tim, phổi do hỏa khí.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 239/TgT.20 ngày 26/3/2020 của Trung tâm P y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với anh Nguyễn Nhật Quang như sau:

- Vết thương xuyên thấu tại 1/3 trên cánh tay trái gây thủng da, dập nát cơ cánh tay, cơ nhị đầu, dập thần kinh quay, gãy nát xương cánh tay đã được điều trị mổ cắt lọc, khâu cơ, đặt khung cố định ngoài hiện còn:

+ Một sẹo thủng da tại mặt sau kích thước 0,7 x 0,6 cm.

+ Một sẹo thủng da tại mặt trước kích thước 14 x (0,1-0,5) cm.

+ Bốn vết đặt khung tại mặt ngoài kích thước 0,4 x 0,4 cm mỗi vết.

+ Bàn tay rỗ cổ cò, hạn chế vận động khuỷu cẳng tay, than tê cánh tay, mặt sau cẳng bàn tay.

Kết luận: Tỷ lệ thương tật do thương tích gây nên hiện tại là 49% (Bốn mươi chín phần trăm).

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 412/TgT.20 ngày 28/5/2020 của Trung tâm P y thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với thương tích của Trần Văn Thanh như sau:

- + Một sẹo thủng da trùng sẹo mổ có kích thước 25 x (0,1-0,3) cm;
- + Bốn sẹo đặt khung cố định ngoài có kích thước mỗi sẹo 0,7 x 0,7cm;
- + Một vết dẫn lưu kích thước 1 x 0,6 cm;
- + Hai sẹo kéo tạ kích thước mỗi sẹo 0,3 x 0,3 cm;
- + Một sẹo mổ lấy xương tại hông phải kích thước 6,2 x 0,1 cm;
- + Hình ảnh kết hợp xương đùi, sáu lỗ xuyên đinh và khuyết xương mào chậu trên phim Xquang;
- + Vận động gôi hạn chế: duỗi 10⁰, gấp 80⁰.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 40% (bốn mươi phần trăm), hỏa khí có thể gây ra thương tích trên.

Tại Kết luận giám định số 359/KLGĐ - TT ngày 27/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Khẩu súng dài gửi đến giám định là loại súng AK báng xếp, cỡ nòng 7,62mm, số súng: 1973 262747, khẩu súng còn đầy đủ các bộ phận, hoạt động bình thường và bắn được đạn nổ. Chín (09) viên đạn gồm: bốn (04) viên đạn cùng ký hiệu “539-90”, hai (02) viên đạn cùng ký hiệu “71-93”, một (01) viên đạn ký hiệu “811-80” gửi giám định là đạn quân dụng có cùng cỡ 7,62x39 mm. chưa qua sử dụng, thường dùng cho súng cỡ nòng 7,62mm như súng: AK47, K63... Căn cứ quy định tại điểm a và điểm d, khoản 2, Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì khẩu súng AK và chín (09) viên đạn gửi giám định nêu trên là vũ khí quân dụng.

2. Hai (02) vỏ đạn AK ký hiệu “311-71” và “71-95” gửi đến giám định là vỏ đạn đã qua sử dụng của loại đạn quân dụng cỡ 7,62 x 39 mm thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

3. Hai (02) vỏ đạn có cùng ký hiệu trên đít vỏ đạn “MKE-16-9P” gửi đến giám định là vỏ đạn đã qua sử dụng của loại đạn quân dụng cỡ 9 x 19 mm thuộc nhóm vũ khí quân dụng, thường dùng cho súng quân dụng cỡ nòng 9mm như súng tiêu liên MP5, MAT-49...

4. Một (01) viên đạn ký hiệu “539-60”, đầu đạn có dấu vết hàn gửi giám định là đạn quân dụng cỡ 7,62 x 39 mm, có dấu vết kim hỏa, thường dùng cho súng quân dụng cỡ nòng 7,62mm như: AK47, K63... Căn cứ quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì viên đạn nêu trên thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

5. Khẩu súng AK báng xếp số súng: 1973 262747, hai (02) vỏ đạn AK ký hiệu “311-71” và “71-95”, hai (02) vỏ đạn súng ngắn cùng ký hiệu “MKE-16-9P” gửi đến giám định không liên quan đến vụ án nào xảy ra trước đây có đầu đạn, vỏ đạn cùng loại đang lưu tại Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Hai (02) vỏ đạn AK ký hiệu “311-71” và “71-95” gửi đến giám định với vỏ đạn thu tại hiện trường số 1, 2 do khẩu súng AK báng xếp số súng: 1973 262747 gửi đến giám định bắn ra.

Tại Kết luận giám định số 310/KLGD - TT ngày 19/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Khẩu súng ngắn gửi giám định ký hiệu số 1 (một khẩu súng ngắn, rỉ sét không rõ số súng, kèm theo một hộp tiếp đạn) là loại súng ngắn K54, rỉ sét không rõ số súng, cỡ nòng 7,62mm, súng còn đủ các bộ phận, hoạt động bình thường. Căn cứ quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì khẩu súng ngắn K54 gửi giám định ký hiệu số 1 thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

2. Bảy (07) viên đạn có cùng kích cỡ gửi giám định ký hiệu số 2 (bảy viên đạn bằng kim loại cùng cỡ 7,62 x 25 mm) là đạn quân dụng cỡ 7,62 x 25 mm chưa qua sử dụng, thường dùng cho các loại súng ngắn quân dụng K54, K50, K51... và các loại súng tự chế có cỡ nòng và buồng đạn phù hợp với kích cỡ của loại đạn này. Căn cứ quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 3 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì 07 (bảy) viên đạn gửi giám định ký hiệu số 2 thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

3. Dấu vết do khẩu súng ngắn K54 gửi giám định ký hiệu số 1 để lại trên vỏ đạn, đầu đạn bắn thực nghiệm không trùng giống với dấu vết do súng để lại trên vỏ đạn, đầu đạn cùng cỡ 7,62 x 25 mm thu trong các vụ án xảy ra trước đây hiện đang lưu giữ tại Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an và Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận giám định số 1140/KLGD - TT ngày 07/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

Khẩu súng ngắn, số súng 68888 (bị mài, đục lại số) gửi giám định là loại súng K59 cỡ nòng 9mm, không xác định được số nguyên thủy của khẩu súng, không xác định được nước sản xuất, súng còn đầy đủ các bộ phận hoạt động bình thường và bắn được đạn nổ. Mười hai (12) viên đạn gửi giám định là đạn quân dụng cỡ 9 mm chưa qua sử dụng. Căn cứ khoản 2, Điều 3 của Luật Quản lý sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì khẩu súng ngắn và mười hai (12) viên đạn gửi giám định nêu trên thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

Tại Kết luận giám định số 309/KLGD - TT ngày 14/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Một vật bằng kim loại nhiều chi tiết giống bộ phận gây nổ của lựu đạn là bộ phận gây nổ của lựu đạn mìn vệt quả na kiểu phi 1 (Ø1) thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 492/KLGD - TT ngày 24/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. 73 (bảy mươi ba) viên đạn có cùng cỡ 7,62 x 25 mm gửi giám định là đạn quân dụng chưa qua sử dụng, không xác định được nơi sản xuất. Căn cứ theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 3 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì 73 (bảy mươi ba) viên đạn gửi giám định thuộc nhóm vũ khí quân dụng.

2. Đạn quân dụng cỡ 7,62 x 25 mm sử dụng được cho các loại súng quân dụng: K54; K50; K51...

Tại Kết luận giám định số 308/KLGD - TT ngày 18/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

1. Dấu vết đường vân phát hiện trên vỏ chai nước suối thu được tại hiện trường (thuộc ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi) so với dấu vân tay “Cái phải” trên chỉ bản (họ tên: Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/1987, Cư trú: ấp 5 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, lập ngày 31/10/2005) là dấu vân tay của cùng một người.

2. Dấu vết đường vân phát hiện trên vỏ chai nước suối thu được tại hiện trường (thuộc ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi) so với dấu vân tay “Nhấn trái” trên chỉ bản (họ tên: Lê Quốc T, sinh ngày 02/11/1987, nơi cư trú: ấp 5 xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, lập ngày 31/10/2005) là dấu vân tay của cùng một người.

3. Các dấu vết đường vân phát hiện trên 02 xe máy biển số 59Y2-762.39, 59L2-615.46 thu được tại hiện trường (thuộc ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi và ấp Thạnh An, xã Trung An, huyện Củ Chi) mờ nhòe, không đủ yếu tố giám định nên không tiến hành giám định so sánh.

4. Trên vỏ bao thuốc lá Jet và 33 (ba mươi ba) viên đạn bằng kim loại thu được tại hiện trường (thuộc ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, và ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi) không phát hiện thấy dấu vết đường vân.

Tại Kết luận giám định số 360/KLGD - TT ngày 24/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Dấu vân tay trên tài liệu cần giám định (01 chỉ bản không số mang tên: Lê Quốc T, sinh năm 1987, lập ngày 14/02/2020 tại Trung tâm P y Thành phố Hồ Chí Minh) so với dấu vân tay trên tài liệu dùng làm mẫu so sánh (01 chỉ bản không số mang tên: Lê Quốc T, lập ngày 31/10/2015, bản chính lưu tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính Công an Thành phố Hồ Chí Minh) là dấu vân tay của cùng một người.

Tại Kết luận giám định số 1108/1/C09B ngày 19/02/2020 của Phân Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Bộ Công an, kết luận:

- Hai (02) dấu vết thu trên xe máy Wave biển số 59Y2-762.39 (trái và phải) đều lần ADN, trong đó phân tích được hồ sơ ADN của một nam giới, có quan hệ huyết thống với bà Nguyễn Thị Kẽm.

- Các mẫu ghi thu tại hiện trường (thuộc ấp 5, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi); khẩu trang và các mẫu ghi thu tại hiện trường (ấp Phú Thuận, xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi) đều là máu người, lần ADN của nhiều nam giới, không có quan hệ huyết thống với bà Nguyễn Thị Kẽm.

Tại Kết luận giám định số 515-20/KLGD - SV ngày 29/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Dấu vết thu tại hiện trường và trên tử thi Lê Quốc T là máu người thuộc nhóm máu O.

- 05 dấu vết thu tại hiện trường là máu người, thuộc nhóm máu O.

Tại Kết luận định giá tài sản số 2738/KL - HĐĐGTS ngày 14/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- 01 (một) xe máy hiệu SH 150i, màu đỏ, xe đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 29/01/2020 có giá trị: 173.217.000 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

- 01 (một) xe máy hiệu Nouvo 5, màu đỏ đen, xe đã qua sử dụng, vào thời điểm ngày 29/01/2020 có giá trị: 12.350.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 3310/KL - HĐĐGTS ngày 04/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố thuộc Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

+ 01 (một) xe máy hiệu Wave, màu xanh, xe đã qua sử dụng vào thời điểm ngày 29/01/2020 có giá trị: 8.360.000 đồng (Tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2020/HS-ST ngày 16/12/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Xử phạt bị cáo Phạm Tấn C: 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Phước L: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”; Thời hạn tù tính từ ngày 04/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Dũng S: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2020.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình Phước T:** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 05/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung K: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

6. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D: 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

7. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chánh P**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 08/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

8. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V**: 01 (một) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

9. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Kim N**: 02 (hai) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 28/02/2020.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo khác mức án từ 01 năm tù đến 13 năm tù, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 21, 28/12/2020 và ngày 04/01/2021 các bị cáo Phạm Tấn C, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn V và Nguyễn Kim N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 23/12/2020 Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị số 07/KN-VKS-P2 với nội dung đề nghị Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Dũng S, Trần Đình Phước T, Nguyễn Trung K, Nguyễn Chánh P và Nguyễn Văn V.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021 bị cáo Nguyễn Minh D có đơn xin rút kháng cáo, ngày 08 tháng 3 năm 2021 Tòa án Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành thông báo về việc rút kháng cáo của bị cáo D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn V và Nguyễn Kim N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, bị cáo V chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì mức án Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nặng.

Bị cáo N thay đổi nội dung kháng cáo từ giảm nhẹ hình phạt sang xin được hưởng án treo vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con nhỏ, chồng của bị cáo đang đi làm ăn tại nước ngoài, bị cáo phạm tội vì do nể nang T khi là anh họ của bị cáo, T thường giúp đỡ gia đình bị cáo nên khi T xảy ra chuyện thì bị cáo không suy nghĩ thấu đáo được nên đã phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Phạm Tấn C cho rằng hành vi của bị cáo không cấu thành tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có vì bị cáo không biết về số tiền của T khi cướp tại sông bạc, không biết các bị cáo khác giấu tiền của T khi. Hành vi của bị cáo chỉ phạm tội không tố giác tội phạm, đồng thời Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo về việc bị cáo bị tật ở tay, gia đình bị cáo có công với cách mạng.

Các Bị cáo V, L, S, T, P không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới.

Bị cáo C có cung cấp một số huân, huy chương kháng chiến của cha và cậu ruột của bị cáo

Bị cáo N và luật sư của bị cáo có cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn và huân huy chương của người thân bị cáo.

Bị cáo K xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới có cha ruột là Nguyễn Minh Tâm (Nguyễn Phan Tâm) là thương binh loại A, hạng 3/4 (54%)

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 07/KN-VKS-P2 ngày 23/12/2020 của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo C cho rằng bị cáo chỉ phạm tội không tố giác tội phạm mà không phạm tội chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có. Xét lời trình bày của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận vì theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo khác và chính lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra thì bị cáo hoàn toàn biết về số tiền T khi cướp tại sông bạc và đưa lại cho Phạm Thanh Tâm. Bị cáo đã chủ động đề xuất dùng xe bán tải chở các bị cáo khác đi Bến Tre, Tiền Giang nhằm mục đích né tránh cơ quan công an để giấu số tiền T khi cướp để nhằm mục đích sau này đưa lại cho vợ con T khi như yêu cầu của T khi đưa tiền cho Phạm Thanh Tâm. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo C phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng pháp luật, không oan. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới, đối với tình tiết gia đình có công với cách mạng thì đã được cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo, còn tình tiết bị cáo bị tật ở tay nhưng không có tài liệu gì chứng minh nên không có căn cứ xem xét, đề nghị giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ và lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Kim N, Nguyễn Dũng S, Nguyễn Văn V, Trần Đình Phước T, Nguyễn Chánh P, Nguyễn Phước L, Nguyễn Trung K đã có cơ sở kết luận bị cáo

Nguyễn Kim N phạm tội “Che giấu tội phạm”, các bị cáo L, S, K, V, T, P phạm tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” như án sơ thẩm đã tuyên.

Đây là vụ án đặc biệt nghiêm trọng, nguyên nhân xảy ra vụ án là từ hành vi đánh bạc và tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng, các bị cáo tàng trữ nhiều loại súng và đạn. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chưa đúng về tính chất hành vi của các bị cáo, mức án đối với các bị cáo là nhẹ vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa án sơ thẩm, tăng hình phạt đối với 6 bị cáo cụ thể: Xử phạt các bị cáo L, S, T, K, P từ 03 đến 04 năm tù. Xử phạt bị cáo K từ 02 đến 03 năm tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Minh D đã rút kháng cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo D.

Đối với bị cáo N cung cấp các giấy tờ về gia đình có công với cách mạng nhưng không rõ những người trong các giấy tờ này có quan hệ thế nào với bị cáo. Bị cáo có xác nhận của UBND xã là hoàn cảnh khó khăn nhưng xét mức án 02 năm tù đối với bị cáo là phù hợp nên đề nghị giữ nguyên.

Đối với bị cáo V đã bị kháng nghị tăng án nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo S phát biểu: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có công với cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên mức án đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo N phát biểu: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình có nhiều công với đất nước, bị cáo chưa trực tiếp liên hệ với T, chỉ giúp bằng cách mua sim điện thoại, vai trò của bị cáo là mờ nhạt. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha bị cáo mới mất, một mình nuôi con nhỏ, chồng của bị cáo đang đi làm ăn ở nước ngoài, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Tấn C, Nguyễn Minh D, Nguyễn Văn V, Nguyễn Kim N và kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đúng về hình thức, nội dung và trong hạn luật định, nên kháng cáo, kháng nghị được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ngày 22 tháng 01 năm 2021 bị cáo Nguyễn Minh D có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo D là đúng pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo D.

[3] Do mâu thuẫn trong quá trình đánh bạc được thua bằng tiền, Lê Quốc T đã dùng súng AK báng xếp bắn nhiều phát đạn làm chết 05 người, bị thương 03 người, cướp số tiền 802.032.000 đồng và 03 xe mô tô rồi bỏ trốn và bị truy nã. Đến ngày 13/02/2020 và rạng sáng 14/02/2020, trong khi trốn tại huyện Hóc Môn và dùng súng chống trả lực lượng chức năng, Lê Quốc T đã bị lực lượng công an tiêu diệt. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ điều tra vụ án đối với bị can T là có căn cứ.

[4] Quá trình điều tra đã xác định được hành vi của các bị cáo như sau:

[4.1] Nguyễn Kim N được em ruột là Nguyễn Duy Thanh điện thoại báo cho biết sự việc Lê Quốc T bắn chết người và đang được Thanh và Võ Hồng Tâm che giấu tại nhà của Tâm. Thanh và N bàn bạc cùng tìm cách giúp cho T bỏ trốn. N mua 02 sim điện thoại đến gặp Lý Văn Mè, N kể cho Mè biết T đang trốn tại nhà của Võ Hồng Tâm và bàn với Mè tìm cách giúp T. Sau đó, N đưa 01 sim và số điện thoại T đang sử dụng để Mè liên lạc, sim còn lại N giữ để liên lạc với T. Hành vi nêu trên của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra, gây khó khăn cho quá trình điều tra, phát hiện kẻ phạm tội. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo N phạm tội “Che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 389 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.2] Lê Quốc T sau khi cướp được số tiền 802.032.000 đồng đã đưa cho Phạm Thanh Tâm, Tâm chuyển lại số tiền trên cho Lê Văn Tâm cất giữ. Sau đó, Lê Văn Tâm hẹn gặp Lê Quốc Minh và cùng nhau đưa số tiền trên cho Trần Anh Thi cất giữ. Cùng ngày, Phạm Thanh Tâm, Đặng Anh T đến nhà của Phạm Tấn C bàn bạc với nhau để cất giấu số tiền T cướp được gửi lại. Sau đó, Phạm Tấn C dùng xe ô tô bán tải chở Đặng Anh Tuấn, Phạm Thanh Tâm và Trần Anh Thi đi Tây Ninh, Tiền Giang để né tránh Cơ quan Công an nhằm mục đích che giấu số tiền Tuấn cướp được. Hành vi nêu trên của bị cáo C đã xâm phạm trật tự công cộng, đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, do số tiền bị cáo chứa chấp là 802.032.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung tăng nặng “tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Tấn C cho rằng bị cáo hoàn toàn không biết về số tiền mà T khi cướp tại sông bạc, không bàn bạc với các bị cáo khác che giấu số tiền này. Bị cáo chỉ phạm tội không tố giác tội phạm. Xét lời trình bày này của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Quá trình điều tra chính bị cáo đã thừa nhận biết rõ số tiền 802.032.000 đồng T khi cướp tại sông bạc sau đó đưa cho Phạm Thanh Tâm để đưa lại cho vợ con T khi, các bị cáo đã bàn bạc để che giấu số tiền này, chính bị cáo C là người khởi xướng việc sử dụng xe ô tô bán tải để chở các bị cáo đi miền Tây nhằm né tránh cơ quan công an, nhằm che giấu số tiền nêu trên, lời khai của bị cáo C thống nhất, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, cũng như phù hợp với các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo C về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng pháp luật.

[4.3] Đối với bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Dũng S, Trần Đình Phước T, Nguyễn Trung K, Nguyễn Minh D và Nguyễn Chánh P biết rõ khẩu súng K54 và 07 viên đạn là vũ khí quân dụng, nhưng vẫn cố ý giúp sức cho Phạm Thanh Tâm cất giấu và ném phi tang khẩu súng K54 và 07 viên đạn. Bị cáo Nguyễn Văn V biết rõ khẩu súng K59 và 12 viên đạn là vũ khí quân dụng nhưng đã có hành vi mua của Trần Quốc Đạt với giá 26.000.000 đồng mang về nhà cất giữ. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm an toàn công cộng, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong việc cất giữ vũ khí quân dụng. Hành vi của các bị cáo này đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Phạm Tấn C, Nguyễn Văn V và Nguyễn Kim N, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Bị cáo C có nhân thân xấu, năm 2000 đã bị Tòa án huyện Củ Chi xử phạt 12 tháng tù cho hưởng treo về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo điểm s (bị cáo V được áp dụng thêm điểm r) khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cũng như xem xét về nhân thân, đánh giá tính chất hành vi, hậu quả của tội phạm và xử phạt bị cáo C 07 năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” xử phạt bị cáo N 02 năm tù về tội “Che giấu tội phạm” là phù hợp không nặng. Riêng mức án 01 năm tù đối với bị cáo V là có phần nhẹ, chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo C có xuất trình tình tiết gia đình có công với cách mạng thấy rằng tình tiết này đã được cấp sơ thẩm áp dụng, còn tình tiết bị cáo C bị tật ở tay thì không có tài liệu chứng minh về tỷ lệ thương tật của bị cáo. Bị cáo V không xuất trình thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới; bị cáo N tuy có xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng xét mức án 02 năm đối với bị cáo

là không nặng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cũng như không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo C và N.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phước L, Trần Đình Phước T, Nguyễn Dũng S, Nguyễn Trung K, Nguyễn Chánh P và Nguyễn Văn V. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Mặc dù các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng đây là vụ án đặc biệt nghiêm trọng do Lê Quốc T thực hiện, gây hoang mang dư luận xã hội, gây tâm lý bất an, lo lắng trong quần chúng Nhân dân và làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Chính các hành vi mua bán, tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng thường gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác. Các bị cáo này phạm tội nghiêm trọng có khung hình phạt từ 01 đến 07 năm tù, xét mức án 01 năm tù đối với bị cáo V và 01 năm 06 tháng tù đối với các bị cáo L, S, T, K, P là nhẹ, chưa đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tăng hình phạt đối với các bị cáo L, S, T, V, P. Riêng đối với bị cáo K, tại phiên tòa bị cáo có tình tiết mới có cha ruột là thương binh loại A, hạng 3/4 (54%), xét đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị tăng hình phạt của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên mức hình phạt 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo K.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo C, N, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo V, L, S, T, P là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo N đề nghị cho bị cáo hưởng án treo và quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo S đề nghị giữ nguyên mức án của bị cáo như án sơ thẩm tuyên là không có căn cứ chấp nhận như nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo C, N và V phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Tấn C và Nguyễn Kim N.

- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Trung K

- Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Phạm Tấn C, Nguyễn Kim N và Nguyễn Trung K.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 323; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Xử phạt bị cáo **Phạm Tấn C**: 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 389; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Kim N**: 02 (hai) năm tù về tội “Che giấu tội phạm”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/02/2020 đến ngày 28/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung K**: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2020.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Dũng S, Trần Đình Phước T, Nguyễn Chánh P và Nguyễn Văn V.

- Sửa quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Dũng S, Trần Đình Phước T, Nguyễn Chánh P và Nguyễn Văn V.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

4. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Phước L**: 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Dũng S**: 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

6. Xử phạt bị cáo **Trần Đình Phước T**: 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

7. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Chánh P**: 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/02/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 304; điểm r, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

8. Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn V**: 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/6/2020.

Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh D. Bản án hình sự sơ thẩm số 500/HS-ST ngày 16-12-2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Nguyễn Minh D kể từ ngày 17-5-2020.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Phạm Tấn C, Nguyễn Kim N và Nguyễn Văn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Phước L, Nguyễn Dũng S, Trần Đình Phước T, Nguyễn Chánh P, Nguyễn Trung K và Nguyễn Minh D không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- Trại tạm giam CA Tp.HCM;
- TAND Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Sở tư pháp Tp.HCM;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh T